TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/3/2023
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung
2. Ông Huỳnh Bửu Hòa

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Thị Thanh Quyên – Thư ký Tòa án.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị M, sinh năm: 1987; Địa chỉ: khóm V, thị trấn Tiểu C, huyện Tiểu C, tỉnh T (Vắng mặt có lý do).

Bị đơn: Anh Thạch Duy Th, sinh năm: 1982; Địa chỉ: khóm V, thị trấn Tiểu C, huyện Tiểu C, tỉnh T. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/9/2022 quá trình tố tụng nguyên đơn chị Võ Thị M trình bày:

Năm 2004 chị với anh Thạch Duy Th có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tiểu Cần, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với cha mẹ bên chồng được một thời gian thì vợ chồng ra ở nhà trọ, sau đó quay về tiếp tục sống chung với cha mẹ chồng.

Vợ chồng sống chung không có hạnh phúc nguyên nhân do anh Th ghen tuông vô cớ, dùng những lời lẽ xúc phạm chị rất nhiều lần, chị đã cho anh Th nhiều cơ hội, thậm chí chị còn hù dọa sẽ làm đơn xin ly hôn nhưng anh Th vẫn chứng nào tật nấy, vì vậy chị đã

bỏ nhà cha mẹ chồng dọn ra nhà trọ ở và sau đó thì chị nộp đơn ra tòa để ly hôn, nay chị không thể sống chung với anh Th nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: có 01 con chung tên là Thạch Duy Ph, sinh ngày 29/11/2005 từ trước đến nay sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, theo đơn khởi kiện chị yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Quá trình tố tụng chị thống nhất không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi xét xử anh Th vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại bản tự khai ngày 24/11/2022 cháu Thạch Duy Ph trình bày: Cha mẹ ly hôn với nhau nguyện vọng của cháu là muốn được cùng sống với mẹ

Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:

- *Tài liệu do nguyên đơn cung cấp:* Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của cháu Thạch Duy Ph (bản sao);

- *Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp*: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho anh Thạch Duy Th nhưng anh Thạch Duy Th không đến Tòa tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của anh Th được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Võ Thị M có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Thạch Duy Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng anh Thanh vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh Th.

[2]. Về hôn nhân: Chị Võ Thị M và anh Th có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tiểu Cần vào ngày 22/7/2010 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân do anh Th không tôn trọng chị, thường xuyên xúc phạm chị, chị đã cho anh Th nhiều cơ hội nhưng anh Th vẫn không sửa đổi. Quá trình tố tụng chị M xác định chị không còn tình cảm gì với anh Th nữa, và từ khi Tòa án thụ lý cho đến nay anh Th cũng không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình về việc chị

M yêu cầu ly hôn với anh. Như vậy giữa M và anh Th không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau mà người nào chỉ biết bổn phận người đó, bỏ mặc ai muốn sống ra sao thì sống điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ vào điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Võ Thị M được ly hôn với anh Thạch Duy Th

[3]. Về con chung: Có 01 con chung tên là Thạch Duy Ph, sinh ngày 29/11/2005 từ trước đến nay sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, tại bản tự khai ngày 24/11/2022 cháu Thạch Duy Ph có nguyện vọng muốn sống cùng với mẹ nên giao cháu Ph cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng muốn sống với mẹ của cháu Ph.

[4]. Về cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Quá trình tố tụng chị thống nhất không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con xét thấy đây là sự tự nguyện của chị M nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình tố tụng chị M khai không có. Do Tòa án không thể làm việc được với anh Th nên không biết vợ chồng có tài sản chung và nợ chung hay không, vì vậy nếu sau khi ly hôn anh Th có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị M thì anh Th được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với chị Mai.

Về án phí: Chị Võ Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 243; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị M cho chị M được ly hôn với anh Thạch Duy Th.

2. Về con chung: Chị Võ Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Thạch Duy Ph, sinh ngày 29/11/2005 là phù hợp với nguyện vọng muốn sống chung với mẹ của cháu Ph. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị M khai không có. Sau khi ly hôn anh Th có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị M thì anh Th được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với chị M

4. Về án phí: Chị Võ Thị M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0011542 ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần tỉnh Trà Vinh. Chị M đã nộp đủ án phí. Anh Thạch Duy Th không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND TT Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Thạch Thị Thu Hiền